

# NGÔN NGỮ LUẬT SƯ

Luật sư Nguyễn Hữu Thụy

Đây là câu chuyện của một thứ ngôn ngữ kỳ lạ, ngôn ngữ của những người học luật. Có người nhận xét rằng luật sư là những kẻ khét tiếng dùng một thứ ngôn ngữ dềnh dang và tăm tối khiến người thường không hiểu nổi, và vì thế chẳng bình phẩm gì được. Có người còn cho rằng ngôn ngữ của luật sư chẳng phải tiếng tây, chẳng phải tiếng tàu, cũng chẳng phải tiếng ta. Người khác thì nhấn mạnh chỉ có chính luật sư là còn tin tưởng họ vẫn nói cùng một thứ tiếng với người đồng chủng. Nhưng tại sao lại nhắc đến người thường khi nhắc đến ngôn ngữ của những người học luật. Họ là ai? Họ là những tụng nhân có quyền lợi thiết thực trong những vụ kiện. Họ là những nhân chứng mà lời khai có thể đưa đến kết quả được thua. Họ là những bồi thẩm quyết định vụ án. Ngược đời thay, những người thường này, những nhân vật chính trong trò chơi đang diễn ra trước tòa án, chẳng thể hiểu được ngôn ngữ, trong khi những luật sư, những kẻ gây ra sự phiền hà, lại chỉ là những người lính đánh thuê, những kẻ tham dự vòng ngoài. Hình ảnh mỉa mai này càng nổi bật khi chúng ta biết rằng trong đấu trường pháp lý, vũ khí duy nhất được sử dụng là ngôn ngữ. Nét bất thường này đòi hỏi một trả lời. Câu trả lời có thể tìm thấy trong ước muốn tạo thành sự chính xác tuyệt đối trong ngôn ngữ luật học.

Thực vậy, trong luật học, chính xác của ngôn ngữ là một nhu cầu thiết yếu. Trong phạm vi nghề nghiệp của những kẻ miêng loa mép dài, tôi muốn nói đến các luật sư, dùng sai một chữ có nghĩa là thua cuộc. Họ không cho phép được sai lầm. Mỗi chữ họ dùng đòi hỏi một độ chính xác không thể tranh cãi. Trong một cuộc tranh luận trước quốc hội đã chứng minh tầm quan trọng của sự chính xác. Bản dự thảo viết : “ Phản đối mọi nỗ lực tăng thuế làm phung phí sự phục hồi ...” Phe đối lập trong quốc hội đòi thêm một dấu phẩy sau chữ “thuế “. Câu văn đã đổi nghĩa từ những thứ thuế có hại thành mọi thứ thuế vì thuế nào cũng có hại cả. Một dấu phẩy tránh cho người đóng thuế nhiều tỷ bạc.

Hơn nữa ngôn ngữ chính xác sẽ ngăn chặn được những trò láu cá vặt, mập mờ

đánh lộn con đen. Những tiểu xảo này bao gồm hai hình thức. Thứ nhất, không đề cập, nhưng cố tình tạo cho người nghe một ấn tượng về một sự kiện nào đó. Thứ hai, nói một đường nhưng cố tình để cho người nghe hiểu theo một nẻo. Loại thứ nhất như trong một vụ án hình. Luật sư nguyên cáo hỏi bị cáo :” Từ ngày một tháng giêng đến nay, bị cáo đã bị bắt giữ ba lần, có đúng không?” Trong câu hỏi này, luật sư chẳng nói gì đến bằng chứng của tội phạm, nhưng có vẻ như đang nói đến bằng chứng của tội phạm khi đề cập đến việc bắt giữ. Loại thứ hai là một chiến thuật thông thường của luật sư. Thay vì biện hộ cho bị can, luật sư lại đi buộc tội một người nào khác. Chẳng hạn như trong một vụ cố sát, người bị buộc tội có thể là ông biện lý, nhân viên cảnh sát, nhân chứng của nạn nhân, hoặc chính nạn nhân. Luật sư cáo buộc nạn nhân đủ điều sai trái. Kết quả là bồi thẩm đoàn đã sẵn sàng đào mả nạn nhân để bồi cho anh ta thêm một viên đạn nữa, và bản án dành cho bị cáo là không phạm tội.

Ngoài việc ngăn chặn bản chất lắt léo của ngôn ngữ, sự chính xác còn cần thiết vì một đặc điểm trong việc thông tri ở tòa án. Để hiểu rõ điều này chúng ta cần nhớ đến những sinh hoạt trong phòng xử, môi trường và bối cảnh của nghề luật. Trên đấu trường pháp lý, nguyên tắc hàng đầu phải tôn trọng là mọi chuyện phải được chứng minh. Những người đang tham dự trò chơi đang diễn ra trước pháp đình không cần phải biết gì cả, trừ khi họ có một nghĩa vụ pháp lý là phải biết, hoặc đến khi họ được nói cho biết một cách đúng luật. Thường tình mọi người cứ cho rằng làm tòa là phải biết mọi ngoắt ngoéo của luật pháp, nhưng họ đã lầm. Để giữ trọn vô tư của một ông tòa, có một sự suy đoán pháp lý là các thẩm phán không biết luật cho đến khi các tụng phương nói cho các vị này biết. Đây là lời của Chánh nhất Manuel Real thuộc tòa Central District of California:

Hãy dậy tôi. Đừng nói qua loa về những sự kiện để làm cho tôi nghĩ rằng quý vị đã biết tất cả rồi và tôi phải tin theo quý vị. Thẩm phán được coi như những người chỉ biết tổng quát. Khi đề cập đến những khía cạnh kỹ thuật của vụ án với thẩm phán, quý vị đang nói chuyện với những người thường.

Chính xác rất cần thiết, điều đó đã hiển nhiên. Để tạo sự chính xác, luật sư đã dùng nhiều phương cách: dùng chữ thông thường với một nghĩa đặc biệt; dùng cổ

ngữ trong nước hoặc từ nước ngoài; những chữ và câu với nghĩa uyển chuyển. Đại để có thể phân ra làm ba loại: thứ nhất là vận dụng quyền lực huyền bí; thứ hai là dùng tiểu thuật điệp ngữ; và thứ ba là tạo những thuật ngữ. Những nỗ lực này phần nào đã tạo được sự chính xác, nhưng mặt khác cũng gây ra vô số rắc rối trong việc truyền thông.

Giải pháp thứ nhất là vận dụng những quyền lực huyền bí. Đây có lẽ là một phương cách cổ xưa nhất đã được sử dụng để đạt đến sự chính xác trong lịch sử pháp chế. Trong những ngày đầu của lịch sử, guồng máy pháp lý đã lẫn lộn với những chế tài huyền bí của thần linh. Những ông tòa trong áo thụng đi đứng cũng nghiêm trang như những vị tu sĩ trong nhà thờ. Lý do là thế nhân thường tin tưởng mãnh liệt vào những gì được đem đến từ trên. Nhất là trong những thời đại cổ xưa, thời kỳ dã man, quyền lực huyền bí thường có một năng quyền tuyệt đối, và mang một sự thực bất khả tranh cãi. Thế nhân có thể quyết định lầm nhưng thánh nhân không thể sai lầm. Ngôn ngữ thiêng liêng được coi là chính xác. Vì thế sự giả tưởng để đem quyền lực thiêng liêng vào trong luật pháp đã được tạo ra nhằm mục đích để cai trị. Thời thế đã đổi thay, dần dần vai trò của luật pháp trong xã hội đã được nhìn một cách đúng đắn hơn. Khởi đi từ những tiêu chuẩn nội tại chủ quan của cách sử sự đặt căn bản trên những khái niệm luân lý, luật pháp đã chuyển mình tới những tiêu chuẩn ngoại tại khách quan dựa trên những khái niệm của cộng đồng về những chính sách công cộng hợp lý. Thế nhân không còn tự nguyện chấp nhận sự cai trị của thần quyền. Tuy nhiên những hình ảnh huyền bí vẫn còn tồn tại nhưng mang một ý nghĩa khác. Vì mục đích của sự vô tư, tòa án và những viên chức của tòa án vẫn giữ cho họ một vẻ siêu nhiên. Ngôn ngữ của tòa án có một vẻ gì khác với ngôn ngữ của người trần. Vì thế có những ông tòa đã trở thành xa lạ với chính mình. Mấy ông ấy quên mất mình cũng chỉ là người trần mắt thịt trong những lãnh vực khác. Có một ông tòa lúc nào cũng tự xưng mình là “Bản tòa”, thậm chí đã nói một cách rất thành thực tự nhiên: “Bản tòa đi ăn trưa!”

Những chuyện đó cũng chẳng hại gì bởi vì những ngôn từ không thực này vẫn hoàn tất được xứ mạng của nó là tạo được uy tín cần thiết cho tòa án. Dầu sao khi từ bỏ lãnh vực của quyền lực huyền bí thực sự để trở thành quyền lực huyền

bí giả tưởng, sự tin tưởng vào tính cách chính xác của loại ngôn từ này đã hoàn toàn tan biến.

Thứ hai, có một điều chắc chắn là cũng vì ước muốn có được sự chính xác mà luật sư đã tạo ra một thể loại mà ngữ học gọi là tiểu thuật điệp ngữ. E rằng nói một chữ có thể tạo ra sự hiểu lầm, luật sư đã diễn tả cùng một ý với nhiều chữ khác nhau. Chẳng hạn người ta nói “ba năm” thì luật sư nói “ba mươi sáu tháng theo niên lịch”. Thật đáng ngờ là tiểu thuật điệp ngữ làm cho ý nghĩa rõ ràng hơn, nhưng chắc chắn nó đã tạo phiền phức cho người nghe, người đọc. Người ta than phiền là lúc nào luật sư cũng dài giòng, cả trong văn từ lẫn ngôn từ. Luật sư thiếu khả năng đi thẳng vào vấn đề và trình bày vấn đề rõ ràng. Nói chung, chúng ta đã gặp không ít những văn kiện pháp lý cú pháp lê thê, dây cà ra dây muống, từ trang này sang trang khác, mỗi mắt tìm mới thấy được đôi ba dấu chấm câu. Rõ ràng là tiểu thuật điệp ngữ không làm cho ý nghĩa rõ ràng hơn, nó chỉ làm phí thời giờ của người đọc. Hơn nữa, nhắc đi nhắc lại tạo sự bối rối cho người đọc vì không hiểu rằng chữ dùng để nhắc lại có cùng nghĩa với chữ được nhắc lại hay không. Về phương diện chính xác, tiểu thuật điệp ngữ rõ ràng vô tích sự.

Thể loại thứ ba là thuật ngữ và tiếng chuyên môn. Đối với thuật ngữ, sự hữu dụng của nó tùy thuộc vào cách sử dụng. Nếu được dùng một cách đúng đắn, những tiếng này sẽ giúp ích cho sự chính xác, nhưng nếu dùng tùy tiện hoặc chỉ để nghe cho kêu thì những thuật ngữ này chẳng có giá trị gì mà chỉ tạo thêm rối rắm.

Đối với những tiếng chuyên môn, những tiếng này được tạo ra chẳng phải để công chúng hiểu, nhưng nhằm mục đích tạo ra những công thức chặt chẽ để chống lại mọi sơ hở và tranh cãi đã được nêu lên trong án lệ và tiền lệ. Tiếng chuyên môn được đặt ra chẳng phải để tạo sự dễ dàng trong việc tìm hiểu. Đối với luật sư, những tiếng này được giải thích và ứng dụng chẳng khác nào công thức trong toán học. Vì mục đích đặc biệt này, những tiếng chuyên môn là một nguồn sức mạnh của ngôn ngữ. Nó làm cho những người có chung một mối quan tâm có thể nói chuyện với nhau dưới dạng thức những mật mã mà chẳng làm

phiên lòng những người khác trong cái thế giới ồn ào này. Đặc biệt là tên những bản án. Đối với luật sư, chỉ cần nói lên năm ba chữ tên một bản án là đã nói lên được cả một lý thuyết pháp lý dài giòng. Năm ba chữ tên một bản án là biểu tượng của một nguyên tắc, một phán quyết mà năng quyền của nó đã vượt ra ngoài con người đã tạo ra nó là các tụng phương và các ông tòa. Khía cạnh tích cực và tiêu cực của những tiếng chuyên môn cũng tương tự như các thuật ngữ. Giới hạn đúng mức trong việc truyền thông nhanh chóng và tức thời giữa những người cùng nghề, tiếng chuyên môn rất chính xác đúng như nhu cầu, nhưng khi được dùng ngoài mục đích này, những tiếng chuyên môn chẳng có tác dụng gì cả.

Nhìn chung cả ba thể loại vừa trình bày- vận dụng quyền lực thần bí, tiểu thuật điệp ngữ, và dùng những tiếng chuyên môn- sự lạm dụng chẳng thể nào tránh khỏi. Bởi vậy khía cạnh tiêu cực xem ra có phần lớn hơn khía cạnh tích cực. Văn chương luật pháp quả thật là một mớ bòng bong. Một mớ văn tự lòng thông, nửa cổ nửa kim, nửa thần bí nửa siêu hình. Những ngôn từ được lập đi lập lại một cách long trọng nhằm dụ dỗ đám dân của thời đại bán khai nhằm chấp nhận những nguyên tắc pháp lý đang độ thành hình; một mớ chữ nghĩa, nửa tây, nửa tàu, nửa Anh, nửa La tinh, đầu ngô mình sỏ; những thứ văn chương đếm chữ ăn tiền; những sự lập lại một cách quá thận trọng nhằm ngăn chặn sự kiểm tỏa của luật pháp và để che đậy sự thiếu hiểu biết về nội dung.

Luật sư đã thất bại trong việc đạt đến sự chính xác ở mức độ toàn hảo vì những nỗ lực của luật sư không tuân theo những qui luật chuyển vận của trời đất. Bản chất của xã hội là thay đổi. Luật pháp cũng phải thay đổi theo để đáp ứng nhu cầu của xã hội. Luật pháp phải có sự mềm dẻo để đáp ứng sự thay đổi trong chính sách và những kỳ vọng mới của xã hội. Nó phải dành chỗ cho lòng thương cảm con người. Nó phải có khả năng dự đoán những điều không dự đoán được. Một khi luật pháp được đặt ra dưới sự bảo trợ của xã hội nhằm phục vụ những mục đích của xã hội, khả năng đáp ứng những thay đổi hoặc điều chỉnh những sai lầm trong quá khứ là một điều kiện tối ư cần thiết. Luật pháp thay đổi cho nên ngôn từ pháp lý cần sinh động để có thể bày tỏ sự thay đổi này. Luật sư thường dùng những từ ngữ mang ý nghĩa co giãn, những từ ngữ làm cho những thay đổi chậm chạp dần dần có thể trở thành hiện thực.

Bởi vậy, ý nghĩa của những nguyên tắc pháp lý không thể được hiểu một cách tường tận nếu chỉ nhặt ra những từ ngữ rồi tra tự điển, nhưng đòi hỏi một sự hiểu biết về nguồn gốc và tiến trình của nó. Cho dù một người nào đó có một kiến thức rộng rãi và đầy đủ về tất cả những nguyên tắc pháp lý hiện hành cũng chẳng thể định nghĩa với một mức độ chính xác những quyền lợi và nghĩa vụ pháp lý. Lấy vấn đề lập ước làm thí dụ. Cho dù nhân danh sự chính xác pháp lý, luật sư có rào trước đón sau, gò vắn nắn chữ, họ cũng chỉ mô tả được gần đúng những ước muốn của những bên kết ước. Lý do rất giản dị là giao dịch là một điều sinh động thì kế ước mang tính chất tĩnh. Những bản hiến pháp là một thí dụ khác. Trên quan điểm ngôn từ, chúng ta không thể trông đợi ý nghĩa của những bản hiến pháp thành văn có thể tồn tại với thời gian qua những thay đổi sâu rộng trong văn hóa, trừ khi văn từ được mang một ý nghĩa mới chiếu theo những điều kiện mới. Thời lập quốc, các cụ trong quốc hội lập hiến có bao giờ nghĩ đến “quyền riêng tư” mà tại sao bây giờ nó lại hiện lên trong hiến pháp? Luật pháp quả thực là một thực thể có đời sống.

Đến đây thì chúng ta có thể rộng lượng thông cảm cho một ông tòa uyên bác, sau khi đạt đến một quyết định sáng suốt, lúc đó mới đi lục lọi đồng sách vở để tìm những lý lẽ có thẩm quyền nhằm hỗ trợ cho quan điểm của mình.

Sự mềm dẻo của luật pháp được thể hiện trong ngôn từ pháp lý. Những ý niệm về “sự hợp lý”, về “đúng thủ tục” là những biểu tượng về sự không chính xác trong ngôn từ pháp lý. Sự không chính xác đã có một cõi rề lâu đời trong án lệ khiến cho tham vọng uốn nắn văn chương pháp lý vào trong khuôn khổ chính xác là một điều không thể thực hiện được.

Bây giờ chúng ta có thể biết chắc rằng ngôn ngữ pháp lý không chính xác như các luật sư hằng mong đợi, nhưng liệu ngôn ngữ pháp lý có hoàn tất được sứ mạng truyền thông của nó hay không. Tôi e rằng câu trả lời là không. Người ta có thể tranh luận rằng nghề nào cũng có ngôn ngữ riêng của nó. Nếu nhưng người cùng nghề hiểu được, ngôn ngữ đã hoàn thành sứ mạng truyền thông. Nếu người ngoài không hiểu thì điều đó cũng chẳng có gì quan trọng. Rủi thay, điều

này không đúng trong sinh hoạt ở tòa án. Trong những cuộc tranh luận pháp lý, chúng ta không thể nói các tụng nhân, những bồi thẩm, như đã đề cập trước đây, là những người ngoại cuộc. Bởi vậy những người này không hiểu được ngôn ngữ, ngôn ngữ đã không hoàn tất được xứ mạng truyền thông.

Trước hết chúng ta xét đến trường hợp các thân chủ, các tụng nhân. Bằng chứng cho thấy là những người này không hiểu được ngôn ngữ của người học luật. Trở ngại chính đối với ngôn ngữ trong phòng xử là các luật sư đã quá quen thuộc với thứ văn chương pháp lý ngắn gọn mà họ đã học được trong trường luật nên họ đã quên mất ngôn ngữ của người phạm. Thậm chí luật sư không ý thức được rằng thân chủ của họ không hiểu nổi họ. Rút cục, quyết định của thân chủ không dựa vào những điều mà luật sư nói cho họ biết, nhưng dựa trên những điều mà họ tưởng rằng luật sư đã nói với họ. Điều đáng nói là thân chủ có trách nhiệm nói lên quyền lợi của chính họ. Bởi vậy thật nguy hiểm khi luật sư mớm lời cho thân chủ mà họ không hiểu được những lời nói này.

Loại người thứ hai mà chúng ta không thể coi là người ngoài là các bồi thẩm. Vấn đề là những bồi thẩm này có hiểu được ngôn ngữ pháp lý hay không rất là quan trọng vì họ đứng vị trí của những người quyết định. Rất nhiều cuộc khảo cứu có thẩm quyền đã đi tới kết luận sự hiểu biết của những người này cũng không hơn gì trường hợp các tụng phương. Trong một cuộc thăm dò, những bồi thẩm tương lai đã được đưa cho xem hoặc được đọc cho nghe những huấn thị của tòa án và yêu cầu họ giải thích ý nghĩa. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên, sự hiểu biết của những bồi thẩm thường rất thấp. Họ không hiểu được những huấn thị viết ra cho chính họ thì làm sao họ có thể theo dõi được những tranh luận trước tòa. Tình trạng chớ trêu này đã xảy ra bởi vì những huấn thị không nhằm mục đích cho người thường dễ nghe, dễ hiểu, mà chính ra đã được viết để cho những vị ở tòa kháng cáo đọc. Hơn nữa, chẳng những ngôn từ pháp lý khó hiểu mà những nguyên tắc truyền thông trong phòng xử cũng trái ngược với những nguyên tắc tự nhiên của sự truyền thông. Người xưa đã nói một lời nói ra bốn ngựa đuổi chẳng kịp. Một lời đã nói ra chẳng thể nào rút lại được. Thế nhưng theo luật bằng chứng, tòa án đã luôn luôn yêu cầu bồi thẩm đoàn bỏ ngoài tai những lời khai này, bằng chứng nọ. Thật khó lòng bỏ được ngoài tai khi nó đã lọt

vào tai. Và chẳng phiên tòa thường kéo dài rất lâu, bồi thẩm chẳng nhớ điều gì phải nhớ, điều gì phải quên chiếu theo chỉ thị của chánh thẩm. Rút cục, các bồi thẩm chẳng màng gì đến những ngôn từ pháp lý đó. Quyết định của họ dường như chẳng căn cứ trên những sự tranh luận pháp lý trước tòa. Những bản khảo cứu của đại học Chicago cho thấy là có từ 80 đến 85% các bồi thẩm đã có quyết định về bản án ngay từ bài cãi mở đầu và chẳng mấy khi thay đổi suốt phiên xử. Cho dù các bồi thẩm đã có những kết luận đúng, nhưng những kết luận này đã đặt căn cứ trên bản năng suy nghĩ thông thường để phân biệt đúng sai chứ chẳng phải trên những đánh giá sành sỏi về bằng chứng.

Mặt khác, ngay cả những luật sư, dường như họ cũng không hoàn toàn cảm thấy thoải mái với những sản phẩm của chính họ, ngôn ngữ pháp lý. Tình trạng oái oăm này xảy ra là bởi vì học trò trường luật bị nhồi nhét bằng những quyển án lệ với một thứ văn chương kém chải chuốt nhất, họ quá bận rộn vùi đầu tìm hiểu xem sách nói gì nên chẳng còn thì giờ đâu học hỏi sách nói như thế nào để mà còn bồi bổ. Rút cục rồi mọi người đều với tay tìm đến những quyển mẫu đơn từ cho tiện việc sổ sách. Khía cạnh kỹ thuật của luật pháp quá phức tạp, nó chiếm mất khoảng 95% thì giờ của các sinh viên, cho nên họ chỉ còn lại 5% thì giờ để học về con người, nhưng chớ trêu thay, chính con người đã làm ra luật pháp, giải thích luật pháp, và không có cách nào hơn là tuân thủ luật pháp. Sách mẫu đơn từ được viết ra để tạo sự dễ dàng trong việc đạt đến một thỏa thuận hơn là giúp cho sự hiểu biết được dễ dàng. Ngôn ngữ luật pháp quả thật đã thất bại trong việc phục vụ nhu cầu truyền thông cho mọi bên, mọi phía. Lý do sự thất bại là truyền thông có rất nhiều khía cạnh trong khi ngôn ngữ pháp lý chỉ chú trọng đến khía cạnh văn từ.

Chẳng hạn cho dù một cuộc tranh luận thực sự, mọi cảm xúc phải được gạt bỏ ra ngoài, nhưng thực ra khó có thể quyết đoán là có nên gạt bỏ mọi yếu tố cảm xúc ra ngoài những cuộc tranh luận trước tòa hay không? Từ trên bục xử, một phán quan có thể đồng dục tuyên ngôn: “Tranh luận tình cảm không có chỗ đứng. Chúng tôi là những nhà chuyên môn. Quý vị là những nhà chuyên môn. Một luật sư toan tính đem cảm xúc vào tranh luận dường như muốn nói lên rằng luận cứ biện hộ không được vững vàng, nên xin tòa đừng suy nghĩ mà chỉ nên cảm nhận.”



Dấu sao tranh luận trước tòa không phải chỉ dành cho sự lắng nghe của thẩm phán và cũng không phải chỉ liên quan đến vấn đề pháp lý. Tranh luận trước tòa rắc rối hơn nhiều, bởi vì xét xử là tường trình lại một biến cố nhân tình, diễn xuất lại một tấn kịch nhân sinh, sự diễn tiến một mối xung đột mang đầy tình tiết con người. Khía cạnh tình lý là một phần quan trọng trong cuộc tranh luận trước tòa. Tối cao pháp viện Tennessee đã có lần kết luận:

Nước mắt luôn được xem là một tranh luận chính đáng trước bồi thẩm đoàn, và nếu luật sư có khả năng rơi lệ những khi cần đến thì vấn đề sẽ được nêu lên một cách đúng đắn là phải chăng nhỏ lệ là một nghĩa vụ nghề nghiệp của luật sư mỗi khi nội vụ đòi hỏi.

Bởi vậy, biết luật chỉ là một yếu tố phụ thuộc trong những cuộc tranh cãi trước tòa, trong khi sự chuẩn bị, khả năng thuyết phục, sự nhanh trí, tính khả tín, sự lựa chọn thời điểm và khả năng phán đoán, điểm nào nên nhấn mạnh, điểm nào không mới là những yếu tố chủ yếu.

Thật đáng buồn khi phải nói rằng ngôn ngữ pháp lý đã không làm tròn vai trò của ngôn ngữ là truyền thông. Đành rằng luật sư có thể chống chế nghề của họ chỉ quan tâm đến quyền lợi, nghĩa vụ, đúng sai và những thủ tục phụ đới. Dấu sao những mục tiêu chính sẽ bị thương tổn khi ngôn ngữ công cụ chính yếu của toàn thể tiến trình đã bị coi nhẹ. Luật sư vẫn tự hào là người ăn nói giỏi nhưng gần đây dường như đã tỉnh ngộ. Lời kêu gào chính đốn đã có tiếng vang. Trường luật đã đặt trọng tâm trong những nỗ lực mở ra những khóa trình cho sinh viên học viết văn chương pháp lý. Những nhà ngữ học được mời đến để chỉ cho sinh viên cách ăn, cách nói. Biện minh trạng, lý đoán, án từ, xem ra có phần dễ hiểu hơn. Rút cục, luật sư đã hiểu ra rằng ngôn ngữ pháp lý cùng chung số phận với ngôn ngữ nói chung là không thể nào toàn thiện được. Trong khi ngôn ngữ pháp lý có thể dễ hiểu hơn, chau chuốt hơn, được sử dụng hữu hiệu hơn, nhưng nó chẳng thể nào hoàn toàn chính xác một khi nó còn là công cụ truyền thông giữa con người và con người.